

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày: 12/9/2025
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2024/TLST- KDTM ngày 26/11/2024 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N;

Địa chỉ trụ sở: 2 C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nay là 201-203, đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngô Phúc V – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lộ Bá T – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 526/2025/UQ-AMC ngày 02/6/2025), có mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Võ Thị Thúy V1, sinh năm 1997 – Chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nay là ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Phú Q, sinh năm 1972; cư trú tại: B C/c D V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nay là 209 C/c 482 V, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N) có cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) vay theo Hợp đồng tín dụng số 0254/2022/901-CV đã ký kết ngày 30/8/2022, với tổng hạn mức là 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng, cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ số 01/GNN-0254/2022/901-CV ngày 12/10/2022; số tiền nhận nợ 1.000.000.000 (một tỉ) đồng; thời hạn vay từ 12/10/2022 đến 12/4/2023; lãi suất trong hạn 10%/năm; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;

Giấy nhận nợ số 02/GNN-0254/2022/901-CV ngày 13/10/2022; số tiền nhận nợ 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng; thời hạn vay từ 13/10/2022 đến 13/4/2023; lãi suất trong hạn 10%/năm; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;

Giấy nhận nợ số 03/GNN-0254/2022/901-CV ngày 13/10/2022; số tiền nhận nợ 5.000.000.000 (năm tỉ) đồng; thời hạn vay từ 13/10/2022 đến 13/4/2023; lãi suất trong hạn 10%/năm; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;

Giấy nhận nợ số 04/GNN-0254/2022/901-CV ngày 14/10/2022; số tiền nhận nợ 3.100.000.000 (ba tỉ một trăm triệu) đồng; thời hạn vay từ 14/10/2022 đến 14/4/2023; lãi suất trong hạn 10%/năm; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh;

Ngân hàng N đã giải ngân cho Công ty T1 tổng số tiền 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay phát sinh từ hợp đồng tín dụng do các bên giao kết, Công ty T1 đã thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bên thế chấp tọa lạc tại địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; tại thửa đất số: 1793; tờ bản đồ 3, diện tích 5.893,3 m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 852406, số vào sổ cấp GCN: CT58664 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 04/11/2020, cập nhật thông tin biến động ngày 05/02/2021 thuộc sở hữu của ông Phạm Phú Q, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0038/2021/901-BĐ ký ngày 23/4/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/SĐ - 0038/2021/901-BĐ ký ngày 30/8/2022 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty T2

Tính đến ngày 12/9/2025, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng N yêu cầu Công ty T1 có

nghĩa vụ hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi là 15.647.051.991 (mười lăm tỉ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi một nghìn chín trăm chín mươi một) đồng, cụ thể như sau: nợ gốc: 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng; nợ lãi: 5.647.051.991 (năm tỉ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi một nghìn chín trăm chín mươi một) đồng, trong đó: lãi trong hạn: 160.005.716 đồng; lãi quá hạn: 5.448.020.547 đồng; lãi chậm trả lãi: 39.025.728 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/9/2025 cho đến khi Công ty T1 hoàn trả xong số nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp Công ty T1 không thực hiện được hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng N thì yêu cầu thực hiện thủ tục phát mãi các tài sản đã thế chấp khi ký kết hợp đồng tín dụng do ông Phạm Phú Q là chủ sử dụng để đảm bảo thi hành án cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Trong trường hợp giá trị tài sản thế chấp của Phạm Phú Q đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty T1 có giá trị tại thời điểm thanh toán nợ cao hơn số tiền Công ty T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho ông Phạm Phú Q.

Trong trường hợp giá trị tài sản của ông Phạm Phú Q đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty T1 có giá trị tại thời điểm thanh toán nợ thấp hơn số tiền Công ty T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N thì Công ty T1 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền còn nợ theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngoài ra, Công ty T1 không có nợ Ngân hàng N số tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn – bà Võ Thị Thúy V1 trình bày:

Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty T1, bà có ý kiến thống nhất trình bày của đại diện Ngân hàng N về việc Công ty T1 có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N và có vay của Ngân hàng N - Chi Nhánh T3 theo Hợp đồng tín dụng số 0254/2022/901-CV ký ngày 30/8/2022 đã ký kết, với tổng hạn mức là 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng để Công ty T1 bổ sung vốn kinh doanh; với thời gian vay kể từ ngày 12/10/2022 đến hết ngày 14/4/2023; khi vay có dùng tài sản là quyền sử dụng đất do ông Phạm Phú Q là chủ sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty T1 vẫn còn nợ Ngân hàng N số tiền 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nay Công ty T1 đồng ý hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký như Ngân hàng N yêu cầu và đồng ý để Ngân hàng N xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ nếu Công ty T1 không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Phú Q: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn

bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng N vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty T2

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh Phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể đã thực hiện: thụ lý đúng thẩm quyền và lập hồ sơ vụ án theo quy định; Xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, người tham gia tố tụng; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các Điều 26, 68, 94, 97, 205, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; thực hiện đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn, đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 là bà Võ Thị Thúy V1 đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định chung, tại phiên tòa hôm nay, bà V1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 giải quyết vắng mặt bà V1 là đúng quy định; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Phú Q đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật, ông Q không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp, mặc dù ông đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết tranh chấp theo quy định chung nên xem như ông Q đã tự ý từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong tranh chấp này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 giải quyết vắng mặt ông Q là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292, 299, 317, 318, 319, 320, 323 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1:

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số nợ gốc và lãi vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký, tạm tính đến ngày 12/9/2025 là 15.647.051.991 đồng, trong đó nợ gốc là 10.000.000.000 đồng; Lãi trong hạn 160.005.716 đồng; Lãi quá hạn 5.448.020.547 đồng; Lãi chậm trả lãi 39.025.728 đồng. Và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

2. Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, thì căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản đã ký thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm (*theo hợp đồng thế chấp, tài sản do ông Phạm Phú Q là chủ sử dụng*) để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật.

3. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm dân sự: buộc bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do bà Võ Thị Thúy V1 là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và ông Phạm Phú Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà V1, ông Q.

Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Phú Q. Theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, việc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc được coi là đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Theo Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do

nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xét Ngân hàng N yêu cầu Công ty T1 trả số tiền nợ gốc 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký, thấy rằng:

[2.1] Về nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N và Công ty T1 thống nhất trình bày có ký Hợp đồng tín dụng số 0254/2022/901-CV ký ngày 30/8/2022, với tổng hạn mức là 10.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời gian vay kể từ ngày 12/10/2022 đến hết ngày 14/4/2023, lãi suất vay 10%/năm. Công ty T1 đã nhận số tiền giải ngân tổng cộng là 10.000.000 đồng thể hiện tại các Giấy nhận nợ số 01/GNN-0254/2022/901-CV ngày 12/10/2022; Giấy nhận nợ số 02/GNN-0254/2022/901-CV ngày 13/10/2022; Giấy nhận nợ số 03/GNN-0254/2022/901-CV ngày 13/10/2022; Giấy nhận nợ số 04/GNN-0254/2022/901-CV ngày 14/10/2022. Có căn cứ xác định việc công ty T1 có vay của Ngân hàng N số tiền 10.000.000.000 đồng là thật. Công ty T1 thừa nhận từ khi vay đến nay chưa thanh toán nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký nên yêu cầu của Ngân hàng N yêu cầu Công ty T1 trả số tiền nợ 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi, nợ gốc từ ngày 12/4/2023 nên Ngân hàng N yêu cầu tính lãi với mức lãi suất vay trong hạn là 15%/năm, lãi suất vay quá hạn $150\% \times 15\%/năm = 22,5\%/năm$, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ, phụ lục 01 của Quyết định ban hành lãi suất cho vay ngày 03/01/2023 của Ngân hàng N là phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 7, 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu công ty T1 trả số tiền lãi tính đến ngày 12/9/2025 là 5.647.051.991 (năm tỉ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi một nghìn chín trăm chín mươi một) đồng, trong đó: lãi trong hạn: 160.005.716 đồng; lãi quá hạn: 5.448.020.547 đồng; lãi chậm trả lãi: 39.025.728 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0254/2022/901-CV ngày 30/8/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ Ngân hàng N kể từ ngày 13/9/2025 là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về xử lý tài sản thế chấp: xét chứng cứ Ngân hàng N cung cấp là Hợp đồng thế chấp tài sản số 0038/2021/901-BĐ ký ngày 23/4/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/SĐ - 0038/2021/901-BĐ ký ngày 30/8/2022 ký giữa Ngân hàng N và ông Phạm Phú Q có nội dung ông Phạm Phú Q đồng ý dùng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 5.893,3 m², thửa đất số: 1793; tờ bản đồ 3, tọa lạc tại địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An thuộc sở hữu của ông để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán số theo Hợp

đồng tín dụng số 0254/2022/901-CV ký ngày 30/8/2022 giữa Công ty T1 và Ngân hàng N. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 1316, quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T ngày 23/4/2021. Xét thấy hợp đồng thế chấp tài sản có đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo các điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự và phát sinh hiệu lực thi hành từ thời điểm đăng ký thế chấp ngày 23/4/2021.

Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng N, căn cứ các điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự, Ngân hàng N yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đã thế chấp theo thoả thuận tại Tại Điều 6 của Hợp đồng thế chấp các bên thoả thuận về việc xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, buộc Công ty T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N tiền nợ gốc là 10.000.000.000 (mười tỉ) đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2025 là 5.647.051.991 (năm tỉ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi một nghìn chín trăm chín mươi một) đồng, tổng cộng số tiền 15.647.052.000 (mười lăm tỉ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng (làm tròn).

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 7.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Căn cứ các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty T1 phải hoàn trả cho Ngân hàng N tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Công ty T1 phải chịu 112.000.000 đồng + [(15.647.052.000 đồng – 4.000.000.000 đồng) x 0,1%]= 123.647.000 (một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng (làm tròn) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng 60.765.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về các vấn đề liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào các Điều 292, 299, 317, 318, 319, 320, 323 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền nợ gốc là 10.000.000.000 đồng (mười tỉ) đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2025 là 5.647.051.991 (năm tỉ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi một nghìn chín trăm chín mươi một) đồng, tổng cộng tính tròn là 15.647.052.000 (mười lăm tỉ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày 13/9/2025, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0254/2022/901-CV ký ngày 30/8/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 5.893,3 m², thửa đất số: 1793; tờ bản đồ 3, tọa lạc tại địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 852406, số vào sổ cấp GCN: CT58664 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 04/11/2020, cập nhật thông tin biến động ngày 05/02/2021 thuộc sở hữu của ông Phạm Phú Q.

Sau khi trừ đi các khoản chi phí theo quy định của pháp luật, số tiền phát mãi được dùng để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Trong trường hợp khi phát mãi các tài sản thế chấp của ông Phạm Phú Q để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 mà giá trị tài sản phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N phải hoàn trả phần giá trị tài sản còn lại cho ông Phạm Phú Q.

Trong trường hợp khi phát mãi các tài sản thế chấp của ông Phạm Phú Q để thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có giá trị tại thời điểm thanh toán nợ thấp hơn số tiền Công ty Trách nhiệm hữu

hạn T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền còn nợ theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký.

2/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

3/ Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 phải chịu 123.647.000 (một trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N 60.765.000 (sáu mươi triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã nộp theo biên lai thu số 0005393 ngày 26/11/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên.

4/ Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1, ông Phạm Phú Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Oanh Kiều